TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số:157/2022/HS-ST Ngày: 20 -12 -2022	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Công Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Danh

2. Bà Nguyễn Thị Di

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền tham gia phiên tòa: Ông Phan Phúc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 156/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2022/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 12 năm 2022 đối với:

1.Các bị cáo:

1.1 Phạm Võ Đan T, Giới tính: Nam; Sinh năm: 2001, tại: tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT: Khu phố H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.Chỗ ở hiện nay: Không có nơi cư trú nhất định.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không.

Con ông Phạm Tuấn C, sinh năm 1968 và bà Võ Thị T1, sinh năm 1965.Bị cáo là con duy nhất trong gia đình. Vợ, con: Không.

Tiền án: 01 tiền án về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" Bản án số 65/2020/HSST ngày 17/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền xử phạt Phạm Võ Đan T 14 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/3/2022; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 118/QĐ-XPVPHC ngày 09/4/2018 của UBND thị trấn Long Hải xử phạt Phạm Võ Đan T số tiền 250.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 21/4/2022 trong vụ án "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Điền. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

1.2 Trần Thanh T2, Giới tính: Nam; Sinh năm: 1997, tại: tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT: Khu phố H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.Chỗ ở hiện nay: Không có nơi cư trú nhất định.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm biển.

Con ông Trần Văn A, sinh năm 1970 và bà Khổng Thị B, sinh năm 1977. Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có hai anh em; Vợ, con: Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 21/4/2022 trong vụ án "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Điền. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

1.3 Trần Minh T3, Giới tính: Nam; Sinh năm: 2001, tại: tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT: Khu phố H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Chỗ ở hiện nay: Như trên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Trần Minh T3, sinh năm 1978; bà Trần Thị M, sinh năm 1981.

Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có ba anh em; Vợ, con: Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị can đang cư trú tại: thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

1.4 Nguyễn Văn D, Giới tính: Nam.Sinh năm: 2000, tại: tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT: Khu phố H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Chỗ ở hiện nay: Như trên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1978.

Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có bốn anh chị em; Vợ, con: Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang cư trú tại: thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

1.5 Đặng Hà Hoàng Đ, Giới tính: Nam; Sinh năm: 2002, tại: tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT: Khu phố V, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Đặng Văn Đ1, sinh năm 1977; và bà Hà Thị Cao L, sinh năm 1981.

Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có hai anh em. Vợ, con: Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang cư trú tại: thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

1.6 Nguyễn Minh T5, Giới tính: Nam; Sinh năm: 2003, tại: tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT: Khu phố V, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Nguyễn Văn T3, sinh năm: Không rõ và bà Huỳnh Thị Ngọc Y, sinh năm 1977.

Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có hai anh em; Vợ, con: Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang cư trú tại: thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

1.7 Nguyễn Thanh K, Giới tính: Nam.Sinh năm: 1994, tại: tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT: Khu phố H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.Chỗ ở hiện nay: Như trên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Nguyễn Thanh T5, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Thủy N, sinh năm 1973.

Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có hai anh em; Vợ, con: Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định số 40/2018/QĐ-TA ngày 23/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Thanh K trong thời hạn 18 tháng.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang cư trú tại: thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

1.8 Trần Thanh T6, Giới tính: Nam.Sinh năm: 2003, tại: Campuchia.

Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT: Khu phố H, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.Chỗ ở hiện nay: Như trên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Trần Thanh T7, sinh năm 1980. Và bà Lê Thị Xuân M, sinh năm: Không rõ.

Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có hai anh em; Vợ, con: Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến ngày 30/9/2022 bị bắt tạm giữ theo Quyết định truy nã số 07/QĐ ngày 26/9/2022 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Long Điền. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Long Điền. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

1.9 Nguyễn Minh H, Giới tính: Nam. Sinh năm: 2002, tại: tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.Tên gọi khác: Không.

Nơi Đăng ký HKTT: Khu phố V, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Chỗ ở hiện nay: Như trên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1980. Và bà Trương Thị Bạch Y1, sinh năm: Không rõ.

Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có hai anh em; Vợ, con: Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang cư trú tại: Thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

1.10 Thạch Vũ L, Giới tính: Nam.Sinh ngày: 06/7/2005, tại: tỉnh Cà Mau.

Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký HKTT: Khu phố T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố A, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Con ông Thạch Hoài V, sinh năm 1982. Và bà Ngô Thị N1 (đã chết).

Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có hai anh em; Vợ, con: Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang cư trú tại: thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Thạch Vũ L: Bà Trần Thị Ngọc Nhung, sinh năm 1973. Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn L, huyện Đ; tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Có mặt.

3. Người bào chữa cho bị cáo Thạch Vũ L: Bà Trương Thị Thanh Thủy - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nhà nước tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Có mặt.

4. Bị hại: Anh Nguyễn Văn N2 sinh năm 2000, địa chỉ: Tổ 10, ấp L, xã P, huyện Đ; tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Có mặt.

5. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

5.1 Bà Võ Thị T1, sinh năm 1965, địa chỉ: Khu phố H, thị trấn L, huyện Đ; tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.có mặt

5.2 Bà Mai Thị V, sinh năm 1978, địa chỉ: Tổ 10, ấp L, xã P, huyện Đ; tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.Vắng mặt.

6. Người làm chứng:

6.1 Ngô Huỳnh Tấn P, sinh ngày 14-6-2006; địa chỉ: Khu phố H, thị trấn L, huyện Đ; tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

6.2 Huỳnh Tấn C2, sinh ngày 26-3-2006; địa chỉ: Khu phố H, thị trấn L, huyện Đ; tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

6.3 Lữ Sĩ P1, sinh ngày 24-3-2006; địa chỉ: ấp M, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

6.4 Nguyễn Văn H1, sinh năm 2004; địa chỉ: Tổ 8, ấp P, xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

6.5 Nguyễn Sơn H2, sinh ngày 17-3-2007, địa chỉ: ấp P, xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

6.6 Nguyễn Thái S1, sinh ngày 10-5-2006; địa chỉ: Tổ 13, ấp P, xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

6.7 Nguyễn Văn Đ2, sinh ngày 12-12-2006; địa chỉ: Tổ 10, ấp P, xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

6.8 Nguyễn Trung K, sinh ngày 09-11-2007; địa chỉ: Tổ 11, ấp P, xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(Anh P, C2, P1, H1, S1, H1, Đ2, K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 17/3/2022, Thạch Vũ L (sinh ngày: 06/7/2005) điều khiển xe mô tô chở Ngô Tấn Huỳnh P (sinh ngày 14/6/2006) đi đến khu vực Mộ Cô, thị trấn L, huyện Đ để giao nước đá. Tại đây, do đèn xe của L chiếu vào mặt của Nguyễn Văn Đ (sinh ngày: 12/12/2006) nên Đ nhắc nhở L, L cãi lại thì giữa Đ và L xảy ra mâu thuẫn, Đ dùng tay đánh nhiều cái vào mặt L rồi bỏ đi. Sau đó, L điều khiển xe mô tô chở P đi về nhà P thì gặp Trần Minh T3, Trần Thanh T6, Nguyễn Thanh K, Đặng Hà Hoàng Đ đang ngồi uống nước tại khu vực trước nhà của P thuộc Khu phố H, thị trấn L, huyện Đ. Lúc này L kể lại sự việc bị Đ đánh cho T3, T6, K, Đ nghe và nhờ giúp đi đánh Đ để trả thù. Nghe vậy P, T3, T6, K, Đ đều đồng ý. Sau đó, T3 điện thoại cho Nguyễn Văn D nói lại sự việc L bị Đ đánh cho D nghe và nhờ D điện thoại cho Đ ra gặp để giải quyết mâu thuẫn, D đồng ý. Khi T3 gọi, D đang ở cùng với Lữ Sĩ P1 (sinh ngày 24/3/2006) nên D điều khiển

xe mô tô chở P1 đi cùng. D tiếp tục điện thoại cho Huỳnh Tấn C2 (sinh ngày 26/3/2006) nói C2 đi đến nhà K để giải quyết mâu thuẫn cho L, C2 đồng ý. Khi tất cả tập trung đông đủ tại khu vực nhà K, L điện thoại qua Facebook cho Đ rồi đưa điện thoại cho D nói chuyện và hẹn Đ đến đoạn đường gần trường THPT Minh Đạm thuộc xã Phước Hưng, huyện Long Điền để giải quyết mâu thuẫn, Đ đồng ý. Sau đó, L, P, T3, T6, K, Đ, D, P1 và C2 đi đến khu vực trên để chờ Đ.

D điện thoại cho Đ, Đ đang ngồi uống nước cùng với Nguyễn Văn N2 Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thái S (sinh ngày: 10/5/2006), Nguyễn Trung K (sinh ngày: 09/11/2007), Nguyễn S Hải (sinh ngày: 17/3/2007) nên Đ rủ Nguyễn Văn H1, N2, Nguyễn S H1, K và S đến gặp nhóm của D để giải quyết mâu thuẫn. Khi nhóm của Đ đến trước Trường THPT Minh Đạm thì gặp nhóm của D, tại đây D đứng ra nói chuyện với Đ và nói Đ đứng yên để cho L đánh lại nhưng Đ không đồng ý. Lúc này, N2 đứng ra nói chuyện và thách thức nhóm của D rồi hai nhóm hẹn nhau đến đoạn đường số 7, thuộc khu phố Hải Bình, thị trấn L, huyện Đ để giải quyết mâu thuẫn, sau đó hai nhóm điều khiển xe chạy đi.

Khi D đang điều khiển xe mô tô chở P1 đi trên đường thì gặp Phạm Võ Đan T, T gọi D lại nói chuyện và hỏi D đi đâu, lúc này D kể lại sự việc hẹn nhóm của N2 đánh nhau và T nói D chở T đi theo để giúp nhóm của D, D đồng ý. Trên đường đi, T nói D dừng xe ngay một tiệm tạp hóa và T đi vào mua 01 con dao thái lan (dài khoảng 25cm) cất giấu trong người rồi D chở T đi đến điểm hẹn. Để có thêm lực lượng đánh nhau, D điện thoại rủ Trần Thanh T2 nói T2 đi đến khu vực đường số 7 gặp D, T2 đồng ý. Sau đó, T3 điều khiển xe mô tô đến chở T2. Khi T2 đến, D nói T2 giúp nhóm của D gặp N2 để giải quyết mâu thuẫn (do T2 có quen biết với N2), T2 đồng ý. Riêng Đ điện thoại rủ thêm Nguyễn Minh T5 đến cùng tham gia đi giải quyết mâu thuẫn với nhóm của N2, T5 đồng ý. Khi nhóm D đi đến khu vực ngã 3 Thúy Lan thì Nguyễn Minh H điện thoại cho C2 rủ đi chơi nên sẵn C2 điều khiển xe chở T6 đi cùng với K và T3 đến gặp H tại khu vực gần ngã 3 Thúy Lan và rủ H cùng đi với nhóm D giải quyết mâu thuẫn, H đồng ý. Sau đó, C2, H, T6, K, T3 cùng nhau đi đến gặp nhóm D đang đứng chờ tại ngã 3 Thúy Lan. Lúc này, D điều khiển xe mô tô biển số 72K1-735.33 chở T và P1, L điều khiển xe mô tô biển số 72P1-3760 chở P; C2 điều khiển xe mô tô biển số 72F1-313.32 chở T6 và H; T5 điều khiển xe mô tô (không rõ biển số), xe T5 mượn của một người tên X2 (không rõ nhân thân, lai lịch) chở Đ; T3 điều khiển xe mô tô biển số 72K1-537.19 chở K và T2; tất cả cùng nhau đi đến khu vực đường số 7 để gặp nhóm của N2.

Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày L, P, T3, T6, K, Đ, D, C2, H, P1, T, T2, T5 đến tập trung tại khu vực đường số 7 chờ nhóm của N2 đến. Khoảng 10

phút sau, N2, Đ2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Sơn H1, K và S đi trên 03 xe mô tô đến gặp nhóm của D.

Tại đây, T2 đi đến nói chuyện với N2 với nội dung "chuyện này không liên quan đến N2 để những đứa nhỏ giải quyết" rồi T2 đứng sang một bên. Sau đó, D đi đến nói chuyện với N2. N2 và D tiếp tục thách thức nhau. Lúc này, T đứng phía sau cầm con dao thái lan xông đến đâm 01 nhát trúng vào vai N2 gây thương tích. Thấy T đâm N2, T2 chạy đến can ngăn T lại. Thấy vậy, D cầm nón bảo hiểm xông vào đánh N2; L, T3, T6 và Đ cũng xông vào dùng tay chân đánh N2 và Đ; T tiếp tục cầm dao xông vào đâm liên tiếp khoảng 05 nhát trúng vào vùng vai và lưng của N2 gây thương tích. Thấy N2 bị thương nên nhóm của D lên xe bỏ đi. Trên đường đi, T đã vứt bỏ con dao thái lan. Riêng N2 được K chở đi cấp cứu tại bệnh viện Bà Rịa.

Đến ngày 18/3/2022, anh Nguyễn Văn N2 đến Cơ quan Công an trình báo sự việc.

Tại Cơ quan điều tra, Các bị cáo Phạm Võ Đan T, Trần Thanh T2, Trần Minh T3, Nguyễn Văn D, Đặng Hà Hoàng Đ, Nguyễn Minh T5, Nguyễn Thanh K, Trần Thanh T6, Nguyễn Minh H, Thạch Vũ L đã khai nhận khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng thu giữ:

- 01 con dao thái lan (dài khoảng 25cm). Hiện không thu hồi được.

- 01 xe mô tô biển số 72K1-402.61 (thu giữ của Nguyễn Trung K). Đã trao trả lại cho chị Nguyễn Thị X (dì ruột của K) là chủ sở hữu.

- 01 xe mô tô biển số 72K1-252.87 (thu giữ của Nguyễn Thái S). Đã trao trả lại cho anh Nguyễn Thái X1 (anh ruột của S) là chủ sở hữu.

- 01 xe mô tô biển số 72K1-537.19 (thu giữ của Trần Minh T3). Đã trao trả lại cho anh Trần Hoàng X2 (anh rễ của T3) là chủ sở hữu.

- 01 xe mô tô biển số 72K1-735.33 (thu giữ của Nguyễn Văn D). Đã trao trả lại cho anh Nguyễn Văn X3 (em ruột của D) là chủ sở hữu.

- 01 xe mô tô biển số 72P1-3760 (thu giữ của Thạch Vũ L). Hiện chưa xác định được chủ sở hữu. Cơ quan CSĐT Công an huyện Long Điền tiếp tục tạm giữ để xác minh, làm rõ xử lý sau.

Tại Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 182/TgT ngày 18/5/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kết luận đối với thương tích của anh Nguyễn Văn N2 như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- 03 sẹo T3 bình (01 sẹo vết thương và 02 sẹo dẫn lưu).

- 05 sẹo nhỏ.

- Tràn khí màng phổi hai bên đã dẫn lưu, lành thương tốt.

2. Về tỷ lệ phần trăm thương tật từng vết thương:

- Thương tích 1,3,4,5: Mỗi vết thương có tỷ lệ thương tật 01%.

- Thương tích 2: Có tỷ lệ thương tật là 07%.

- Thương tích 6: Có tỷ lệ thương tật là 06%.

3. Về vật gây thương tích, chiều hướng lực tác động: Các thương tích của nạn nhân khả năng được gây ra do sự tác động tương hỗ bởi vật sắc nhọn, bản mỏng, tác động vào vị trí thương tích theo chiều hướng từ sau ra trước.

4. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra hiện tại là: 16%.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường hỗ trợ tiền điều trị thương tích cho anh Nguyễn Văn N2 với số tiền 56.000.000đ (trong đó: Phạm Võ Đan T 25.000.000đ, Trần Thanh T2 5.000.000đ, Trần Minh T3 2.000.000đ, Nguyễn Văn D 3.000.000đ, Đặng Hà Hoàng Đ 5.000.000đ, Nguyễn Minh T5 2.000.000đ, Nguyễn Thanh K 3.000.000đ, Trần Thanh T6 5.000.000đ, Nguyễn Minh H 1.000.000đ, Thạch Vũ L 5.000.000đ). Hiện anh N2 tiếp tục yêu cầu các bị can bồi thường thêm số tiền 50.000.000đ.

Đối với Ngô Tấn Huỳnh P, Lữ Sĩ P1 và Huỳnh Tấn C2, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 16 tuổi nên không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình. Cơ quan CSĐT Công an huyện Long Điền đã chuyển xử lý hành chính đối với hành vi của P, P1 và C2.

Đối với Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thái S1, Nguyễn Trung K và Nguyễn Sơn H2 có hành vi hẹn đánh nhau với nhóm của Nguyễn Văn D tại khu vực đường số 7 thuộc thuộc khu phố Hải Bình, thị trấn L, huyện Đ. Nhưng khi đi đến địa điểm trên, nhóm của Đ không mang theo hung khí, quá trình di chuyển cũng không hô hào, la hét hay nẹt pô xe mô tô. Khi đến nơi nhóm của Đ cũng không có hành động hô hào, la hét, mà bị nhóm của D xông vào đánh trước, sự việc xảy ra nhanh chóng. Đồng thời, địa điểm xảy ra đánh nhau ít có người dân sinh sống, qua lại và những người sinh sống tại đó cũng không biết có sự việc xảy ra đánh nhau. Nên hành vi của Đ2, N2, Nguyễn Văn H1, S1, K và Nguyễn Sơn H2 không gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, hành vi của Đ2, N2, Nguyễn Văn H1, S1, K và Nguyễn Sơn H2 không đủ yếu tố cấu thành tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại Điều 318 BLHS. Cơ quan CSĐT Công an huyện Long Điền đã chuyển xử lý hành chính đối với Đ2, N2 Nguyễn Văn H1, S1, K và Nguyễn Sơn H2 về hành vi tham gia tụ tập đông người gây mất trật tự công cộng.

Tại bản Cáo trạng số 156/CT-VKS ngày 14/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, truy tố các bị cáo Phạm Võ Đan T, Trần Thanh T2, Trần Minh T3, Nguyễn Văn D, Đặng Hà Hoàng Đ, Nguyễn Minh T5, Nguyễn Thanh K, Trần Thanh T6, Nguyễn Minh H và Thạch Vũ L đã phạm vào tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Trong phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phạm Võ Đan T, Trần Thanh T2, Trần Minh T3, Nguyễn Văn D, Đặng Hà Hoàng Đ, Nguyễn Minh T5, Nguyễn Thanh K, Trần Thanh T6, Nguyễn Minh H và Thạch Vũ L đã phạm vào tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt các bị cáo:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS. Đề nghị mức hình phạt đối với Phạm Võ Đan T: từ 03 năm – 04 năm tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS. Đề nghị mức hình phạt đối với:

+ Nguyễn Văn D, Trần Minh T3, Đặng Hà Hoàng Đ, Trần Thanh T6, mỗi bị cáo: từ 02 năm 06 tháng – 03 năm 06 tháng tù.

+ Trần Thanh T2, Nguyễn Minh T5, Nguyễn Thanh K mỗi bị cáo từ 02 năm – 03 năm tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS. Đề nghị mức hình phạt đối với: và Nguyễn Minh H từ 02 năm – 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 65 BLHS. Đề nghị mức hình phạt đối với: Thạch Vũ L: từ 02 năm – 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng:

- 01 con dao thái lan (dài khoảng 25cm). Hiện không thu hồi được.

- 01 xe mô tô biển số 72K1-402.61 (thu giữ của Nguyễn Trung K). Đã trao trả lại cho chị Nguyễn Thị X (dì ruột của K) là chủ sở hữu.

- 01 xe mô tô biển số 72K1-252.87 (thu giữ của Nguyễn Thái S). Đã trao trả lại cho anh Nguyễn Thái X1 (anh ruột của S) là chủ sở hữu.

- 01 xe mô tô biển số 72K1-537.19 (thu giữ của Trần Minh T3). Đã trao trả lại cho anh Trần Hoàng X2 (anh rể của T3) là chủ sở hữu.

- 01 xe mô tô biển số 72K1-735.33 (thu giữ của Nguyễn Văn D). Đã trao trả lại cho anh Nguyễn Văn X3 (em ruột của D) là chủ sở hữu.

- 01 xe mô tô biển số 72P1-3760 (thu giữ của Thạch Vũ L). Hiện chưa xác định được chủ sở hữu. Cơ quan CSĐT Công an huyện Long Điền tiếp tục tạm giữ để xác minh, làm rõ xử lý sau.

Người bào chữa cho bị cáo Thạch Vũ L trình bày: Về tội danh, đồng ý với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát huyện Long Điền. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết: Như khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu, tự nguyên bồi thường, khắc phục hậu quả, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, các điều 91, 101, 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo L được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo thành khẩn khai báo, thật sự ăn năn hối cải, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, không tranh luận gì thêm mà chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố; không có ý kiến tranh luận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Hành vi phạm tội và tội danh và trách nhiệm hình sự: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, với vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 17/3/2022, Phạm Võ Đan T, Trần Thanh T2, Trần Minh T3, Nguyễn Văn D, Đặng Hà Hoàng Đ, Nguyễn Minh T5, Nguyễn Thanh K, Trần Thanh T6, Nguyễn Minh H, Thạch Vũ L, Ngô Tấn Huỳnh P, Lữ Sĩ P1 và Huỳnh Tấn C2 đã có hành vi bàn bạc, thống nhất cùng nhau đi đến khu vực đường số 7, thuộc khu phố Hải Bình, thị trấn L, huyện Đ gặp nhóm của Nguyễn

Văn N2 để giải quyết mâu thuẫn. Sau đó, T đã sử dụng 01 con dao thái lan (dài khoảng 25cm) đâm 01 nhát trúng vào vai N2, D cầm nón bảo hiểm xông vào đánh N2, L, T3, T6 và Đ cũng xông vào dùng tay chân đánh N2; T tiếp tục cầm dao xông vào đâm liên tiếp khoảng 05 nhát trúng vào vùng vai và lưng của N2 gây thương tích 16%. Vì vậy hành vi nêu trên của các bị cáo đã cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm sức khỏe của người khác và gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

Đối với bị cáo Phạm Võ Đan T đã có tiền án chưa được xóa án tích, và nhân thân xấu, dùng dao đâm người khác không gây mâu thuẫn cho mình là hành vi tái phạm. Mặc dù giữa bị cáo và bị hại không quen biết, mâu thuẫn nhau từ trước, chỉ vì bênh vực nhau giữa các nhóm bạn, mà bị cáo đã cùng đồng bọn dùng bạo lực để giải quyết mâu thuẫn, hậu quả là cùng đồng bọn gây thương tích cho người bị hại 16%. Điều này thể hiện tính côn đồ, xem thường pháp luật. Do đó cần phải có mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, để giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người công dân biết tôn trọng pháp luật. Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ.

Nguyễn Văn D cầm cầm nón bảo hiểm xông vào đánh N2, T3, Đ, T6 xông vào dùng tay chân đấm đá người bị hại là hành vi đồng phạm giúp sức cho bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội. Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ.

Trần Thanh T2, Nguyễn Minh T5, Nguyễn Thanh K và Nguyễn Minh H là người đã trưởng thành, có đủ khả năng nhận thức được gây tổn hại đối với sức khỏe của con người nhưng bất chấp quy định của pháp luật, cố ý thực hiện tội phạm, giúp sức cho các bị cáo khác thực hiện tội phạm, nhưng không trực tiếp tham gia đánh nạn nhân. Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ.

Đối với bị cáo Thạch Vũ L tại thời điểm phạm tội là người chưa thành niên, nhưng khỏe mạnh, nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân, mặc dù xuất P từ việc của bị cáo dẫn đến các bị cáo khác phạm tội, nhưng bị cáo không trực tiếp gây thương tích cho nạn nhân. Cáo trạng truy tố là có căn cứ.

Đối với Ngô Tấn Huỳnh P, Lữ Sĩ P1 và Huỳnh Tấn C2, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 16 tuổi nên không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình. Cơ quan CSĐT Công an huyện Long Điền đã chuyển xử lý hành chính đối với hành vi của P, P1 và C2 về hành vi "gây rối trật tự công cộng'' là có căn cứ.

Đối với các đối tượng Nguyễn Văn Đ2, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thái S1, Nguyễn Trung K và Nguyễn Sơn H2 có hành vi hẹn đánh nhau với nhóm của Nguyễn Văn D tại khu vực đường số 7 thuộc thuộc khu phố Hải Bình, thị trấn L, huyện Đ. Nhưng khi đi đến địa điểm trên, nhóm của Đ không

mang theo hung khí, quá trình di chuyển cũng không hô hào, la hét hay nẹt pô xe mô tô. Khi đến nơi nhóm của Đ cũng không có hành động hô hào, la hét, mà bị nhóm của D xông vào đánh trước, sự việc xảy ra nhanh chóng. Đồng thời, địa điểm xảy ra đánh nhau ít có người dân sinh sống, qua lại và những người sinh sống tại đó cũng không biết có sự việc xảy ra đánh nhau. Nên hành vi của Đ2, N2, Nguyễn Văn H1, S1, K và Nguyễn Sơn H2 không gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, hành vi của Đ2, N2, Nguyễn Văn H1 S1 K và Nguyễn Sơn H2 không đủ yếu tố cấu thành tội "Gây rối trật tự công cộng" theo quy định tại Điều 318 BLHS. Cơ quan CSĐT Công an huyện Long Điền đã chuyển xử lý hành chính đối với Đ2, N2, Nguyễn Văn H1, S1, K và Nguyễn Sơn H2 về hành vi tham gia tụ tập đông người gây mất trật tự công cộng là có căn cứ.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Phạm Võ Đan T không quen biết hay mâu thuẫn gì với bị hại nhưng đã dùng dao là hung khi nguy hiểm để giải quyết mâu thuẫn và trực tiếp đâm bị hại, các bị các khác lao vào đánh bị hại nhưng bị cáo lại tiếp tục đâm liên tiếp 5 nhát vào vai của người bị hại là thể hiện tính chất côn đồ, bị cáo phạm tội trong trường hợp đã có 01 tiền án nhưng chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội là tái phạm theo quy định tại điểm h Điều 52 BLHS là có căn cứ.

Các bị cáo Nguyễn Văn D,Trần Minh T3, Đặng Hà Hoàng Đ, Trần Thanh T6, Nguyễn Minh T5, Trần Thanh T2, Nguyễn Thanh K, Nguyễn Minh H, Thạch Vũ L có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52, hành vi đồng phạm của các bị cáo được xem là tình tiết định khung thuộc T hợp gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho người khác từ 11% đến 30%, được quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 134 BLHS theo quyết đinh truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo T, T3, D, Đ, T6, T2, T5, K, H, L đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tự nguyện bồi thường cho người bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Minh H ngoài các tình tiết giảm nhẹ vai trò đồng phạm không đáng kể, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng được chính quyền địa phương xác nhận, thì bị cáo còn có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo cũng đã cùng với các bị cáo khác trong vụ án bồi thường cho bị hại. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, bị cáo và gia đình tiếp tục đồng ý bồi thường cho bị hại và được bị hại đồng ý. Hiện nay bị cáo làm nghề đi biển theo giấy xác nhận của UBND thị trấn Long Hải ngày 09/12/2022 thì bị cáo là lao động chính trong gia đình đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng bà nội bị khuyết tật vận động mức độ đặc biệt nặng, theo giấy xác nhận khuyết số 26662.000424 do UBND thị trấn Long Hải cấp ngày 22/6/2022, vợ đang mang thai, do đó bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s

khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, nên khi quyết định hình phạt cần phải cân nhắc cho phù hợp, không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù.

Đối với bị cáo Thạch Vũ L tại thời điểm phạm tội mới chỉ 16 tuổi 8 tháng 11 ngày nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế, hành vi của bị cáo chỉ mang tính chất bộc phá tức thời, sau khi phạm tội cũng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi, tự nguyện bồi thường cho người bị hại.

Theo nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội, khi áp dụng hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội cần hạn chế áp dụng hình phạt tù, việc xử lý người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội. Xét thấY1bị cáo còn đang trong độ tuổi chưa thành niên, khả năng nhận thức pháp luật còn hạn chế, hành vi của bị cáo chỉ mang tính chất bộc tức thời, bản thân bị cáo cũng luôn chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, chính sách của Nhà nước, phong trào của địa phương. Bị cáo L tuổi còn trẻ, tương lai còn dài; bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, ăn năn hối cải; đồng thời gia đình, giám sát, giáo dục, quản lý bị cáo nên bị cáo có khả năng tự cải tạo ngoài xã hội. Vì vậY1cần tạo điều kiện cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật Việt Nam nói chung cũng như pháp luật về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi nói riêng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên cũng như của Trợ giúp viên pháp lý tại phiên tòa về xét xử cho hưởng án treo, tuy nhiên Trợ giúp viên pháp lý đề xuất cho hưởng dưới mức thấp nhất khung hình phạt là không có căn cứ, bởi lẽ nguyên nhân xuất phát dẫn đến các bị cáo khác phạm tội là do bị cáo L.

[6] Từ những nhận định nêu trên, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách L khỏi đời sống xã hội đối với các bị cáo T, D, T3, Đ, T6, T2, T5, K cũng như răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung. Đối với bị cáo H và bị cáo L thì phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Không chấp nhận lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo L đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt.

[7] Hình phạt bổ sung: Không xét.

[8] Xử lý vật chứng:

- 01 con dao thái lan (dài khoảng 25cm). Hiện không thu hồi được nên không xét.

- 01 xe mô tô biển số 72K1- 402.61 (thu giữ của Nguyễn T3 K). Đã xử lý trao trả lại cho chị Nguyễn Thị X (dì ruột của K) là chủ sở hữu là có căn cứ.

- 01 xe mô tô biển số 72K1-252.87 (thu giữ của Nguyễn Thái S). Đã trao trả lại cho anh Nguyễn Thái X1 (anh ruột của S) là chủ sở hữu là có căn cứ.

- 01 xe mô tô biển số 72K1-537.19 (thu giữ của Trần Minh T3). Đã xử lý trao trả lại cho anh Trần Hoàng X2 (anh rể của T3) là chủ sở hữu là có căn cứ.

- 01 xe mô tô biển số 72K1-735.33 (thu giữ của Nguyễn Văn D). Đã trao trả lại cho anh Nguyễn Văn X3 (em ruột của D) là chủ sở hữu là có căn cứ.

- 01 xe mô tô biển số 72P1-3760 (thu giữ của Thạch Vũ L). Hiện chưa xác định được chủ sở hữu. Kiến nghị Cơ quan CSĐT Công an huyện Long Điền tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

[9] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Võ Đan T, Trần Thanh T2, Trần Minh T3, Nguyễn Văn D, Đặng Hà Hoàng Đ, Nguyễn Minh T5, Nguyễn Thanh K, Trần Thanh T6, Nguyễn Minh H và Thạch Vũ L đã phạm vào tội "Cố ý gây thương tích".

1.1 Căn cứ điểm đ Khoản 2 Điều 134, điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Phạm Võ Đan T **03 năm 06 tháng tù,** thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án**.**

1.2 Căn cứ điểm đ Khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự;
Xử phạt: Trần Thanh T2 **02 năm 06 tháng tù,** thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án**.**

1.3 Căn cứ điểm đ Khoản 2 Điều 134, các điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Trần Minh T3 03 **(ba) năm tù,** thời hạn kể từ ngày bắt chấp hành án**.**

1.4 Căn cứ điểm đ Khoản 2 Điều 134, các điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Nguyễn Văn D 03 **(ba) năm tù,** thời hạn kể từ ngày bắt chấp hành án**.**

1.5 Căn cứ điểm đ Khoản 2 Điều 134; các điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Đặng Hà Hoàng Đ 03 **(ba) năm tù,** thời hạn kể từ ngày bắt chấp hành án.

1.6 Căn cứ điểm đ Khoản 2 Điều 134, các điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T5 **02 (hai) năm 06 tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

1.7 Căn cứ điểm đ Khoản 2 Điều 134, các điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh K **02 (hai) năm 06(sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

1.8 Căn cứ điểm đ Khoản 2 Điều 134, các điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các Điều 17, 58, 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T6 **03 (ba) năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

1.9 Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các Điều 17, 58, 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh H **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án.

1.10 Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Các Điều 17, 58, 65, 91, 101 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Thạch Vũ L **02 (hai) năm tù** nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo H và bị cáo L cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giám sát, giáo dục.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý, giáo dục người bị kết án.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

***2**.Về hình phạt bổ sung:* Không xét.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự thỏa thuận của các bị cáo và người bị hại là các bị cáo đồng ý bồi thường thêm cho người bị hại số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Cụ thể mỗi bị cáo bồi thường cho người bị hại số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng).

3.1. Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3.2.T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Xử lý vật chứng: Không xét.

5. Án phí: Buộc các bị cáo Phạm Võ Đan T, Trần Thanh T2, Trần Minh T3, Nguyễn Văn D, Đặng Hà Hoàng Đ, Nguyễn Minh T5, Nguyễn Thanh K, Trần Thanh T6, Nguyễn Minh H và Thạch Vũ L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Sở tư pháp tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- Phòng PC 10, PV 06 C2 an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- VKSND huyện Long Điền;
- Chi cục THA dân sự H.Long Điền;
- C2 an huyện Long Điền;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Công Hiếu